

Số: 179/KH-TMN

Khánh An, ngày 16 tháng 9 năm 2024

## KẾ HOẠCH

**Thu chi các khoản đóng góp theo quy định, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí và các khoản thu khác  
Năm học 2024-2025**

Căn cứ Nghị quyết số 39/2021/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Công văn số 1362/SGDDĐT-KHTC ngày 30/8/2024 của Sở GD&ĐT Ninh Bình về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi trong trường học năm học 2024-2025;

Căn cứ Công văn số 448/PGDDĐT ngày 04/9/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Yên Khánh về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi trong trường học năm học 2024-2025;

Sau khi dự thảo các khoản thu chi các khoản thu thỏa thuận, dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí năm học 2024-2025. Được sự thống nhất của ban lãnh đạo, Hội đồng sư phạm nhà trường, Ban trường trực hội cha mẹ học sinh.

Trường Mầm non Khánh An xây dựng Kế hoạch thu chi các khoản đóng góp theo quy định, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí và các khoản thu khác năm học 2024-2025, cụ thể như sau:

### **Phần I: Các khoản thu:**

#### **1. Khoản thu học phí:**

Mức thu học phí thực hiện theo Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 07/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình

- Học phí nhà trẻ: 85.000 đồng/trẻ/tháng.
- Học phí Mẫu giáo 3- 4 tuổi: 73.000 đồng/trẻ/tháng.
- Học phí Mẫu giáo 4- 5 tuổi: 73.000 đồng/trẻ/tháng.
- Học phí Mẫu giáo 5- 6 tuổi: được miễn

(Đối tượng miễn, giảm học phí thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021)

#### **2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí:**

## **2.1. Tổ chức bán trú**

### **2.1.1. Tiền ăn của trẻ:**

- Mức thu: 19.000 đồng/trẻ/ngày.

### **2.1.2. Tiền chăm sóc bán trú:**

- Mức thu: 95.000 đồng/trẻ/tháng

**2.1.3. Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú:**

a) Thu lần đầu tuyển mới vào trường

- Mức thu: 300.000 đồng/năm/trẻ.

b) Thu bổ sung hằng năm để đầu tư thay thế dụng cụ hư hỏng, mất mát.

- Mức thu: 100.000 đồng/năm/trẻ.

## **2.2. Chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ vào ngày thứ 7**

- Mức thu: 30.000 đồng/ngày/trẻ.

## **2.3. Tiền vệ sinh trường, lớp, khu vệ sinh.**

- Mức thu: 25.000 đồng/tháng/trẻ.

## **2.4. Tiền nước sinh hoạt, sửa chữa bảo dưỡng đường nước**

- Mức thu: 10.000 đồng/tháng/trẻ.

## **2.5. Tiền đồ dùng, đồ chơi, học liệu cho trẻ**

- Nhà trẻ: 150.000 đồng/trẻ/năm học.

- Mẫu giáo 3-4 tuổi: 180.000 đồng/trẻ/năm học.

- Mẫu giáo 5-6 tuổi: 200.000 đồng/trẻ/năm học.

Các loại đồ dùng cá nhân trẻ, đồ chơi, học liệu của trẻ (theo danh mục quy định tại Thông tư 34/2014 của Bộ GDĐT sửa đổi Thông tư 02/2010).

## **3. Các khoản thu khác:**

### **3.1. Tin nhắn điện tử SMAS**

- Dự kiến mức phí tin nhắn: 60.000đồng/trẻ/năm.

### **3.2. Bảo hiểm thân thể học sinh:**

Đây là khoản thu tự nguyện, cha mẹ học sinh có quyền lựa chọn các loại hình bảo hiểm cho trẻ, góp phần bảo vệ chăm sóc sức khỏe học sinh. Nhà trường tạo điều kiện và phối hợp với tổ chức bảo hiểm triển khai thực hiện công tác bảo hiểm cho học sinh.

Dự kiến phí Bảo hiểm thân thể: 200.000 đ/trẻ/năm học.

## **Phần II: Phần chi:**

**1. Học phí:** 40% chi trả lương cho CBGVNV, 60% chi cho các hoạt động trong nhà trường.

**2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí:**

### **2.1. Tổ chức bán trú**

### **2.1.1. Tiền ăn của trẻ.**

Bao gồm các khoản chi phí được trích từ tiền ăn 19.000 đồng/trẻ/ngày:

- Chi mua lương thực, thực phẩm, sữa, gia vị.
- Chi tiền chất đốt, nước rửa bát, nước lau sàn bếp và các chi phí khác có liên quan đến việc tổ chức ăn tại trường.

### **2.1.2. Tiền chăm sóc bán trú. Trong đó:**

- Chi trả tiền công nhân viên nấu ăn, tiền bồi dưỡng hỗ trợ công tác chăm sóc bán trú.

### **2.1.3. Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú:**

Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú: Bao gồm tiền mua sắm đồ dùng, dụng cụ nhà bếp phục vụ nấu ăn (xoong, nồi, bát đĩa, dao, thớt, rổ rá, cối xay thịt, cối say cua, dụng cụ chia đồ ăn... và các dụng cụ khác liên quan đến phục vụ nấu ăn); Chi phí mua đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú (khăn mặt, ca cốc, xô vệ sinh, bát đĩa, thìa, chăn, chiếu và các đồ dùng cá nhân khác).

### **2.2. Chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ vào ngày thứ 7**

Nội dung chi: Bao gồm chi phí bồi dưỡng cho giáo viên, công tác quản lý, nhân viên nấu ăn, nhân viên khác được phân công và các chi phí khác có liên quan đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ ngày thứ 7.

- Bồi dưỡng giáo viên, nhân viên nấu ăn, nhân viên khác trông giữ trẻ ngày thứ 7 (tối đa là 82% số tiền thu được).
- Chi công tác quản lý (tối đa là 15% số tiền thu được).
- Chi phí khác có liên quan đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ ngày thứ 7: Giấy vệ sinh, bột giặt, nước lau sàn... (tối đa là 3% số tiền thu được).

### **2.3. Tiền vệ sinh trường, lớp, khu vệ sinh.**

- Chi trả tiền thuê nhân viên quét dọn, vệ sinh trường lớp, khu vệ sinh
- Chi mua sắm đồ dùng, dụng cụ vệ sinh (găng tay, chổi, xô, chậu, nước vệ sinh, giấy vệ sinh, xà phòng, nước tẩy vệ sinh, bột giặt, nước lau sàn, nước rửa tay, nước sát khuẩn, thùng đựng rác, bộ cây lau nhà...) và các chi phí khác có liên quan.

### **2.4. Tiền nước sinh hoạt, sửa chữa bảo dưỡng đường nước**

- Chi tiền nước sinh hoạt: theo hóa đơn thực tế với nhà cung cấp.
- Chi sửa chữa, thay thế các thiết bị cung cấp nước, thay thế quả lọc nước.

### **2.5. Tiền đồ dùng, đồ chơi, học liệu cho trẻ**

- Chi mua đồ dùng, đồ chơi, học liệu cho trẻ ở các độ tuổi: bút chì, sáp màu, đất nặn, bảng, phấn, keo, kéo, gậy TD, vòng TD, Bé tập tạo hình, Bé làm quen với toán, Bé làm quen với chữ cái, Bộ làm quen với toán, sổ sức khỏe, biểu đồ...

### 2.6. Tin nhắn điện tử SMART

- Nộp tiền cho công ty cung cấp dịch vụ (VNPT) Yên Khánh: Có danh sách, phiếu thu kèm theo.

### 3. Bảo hiểm thân thể:

Nộp cho công ty bảo hiểm Bảo Minh, BSH, Bưu điện.

Trên đây là Kế hoạch thu chi các khoản đóng góp theo quy định, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí và các khoản thu khác năm học 2024-2025 của trường Mầm non Khánh An./.

#### Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Phòng Tài chính – KH;
- Đảng ủy - UBND xã;
- Ban Đại diện CMHS trường;
- Lưu: HSKT.

TM. NHÀ TRƯỞNG  
HIỆU TRƯỞNG



**Đinh Thị Kim Dung**

## TRƯỜNG MẦM NON KHÁNH AN

DỰ TOÁN THU-CHI KHOẢN DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC,  
THU HỘ CHI HỘ NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo kế hoạch các khoản thu - chi theo quy định, Các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, thu hộ chi hộ, thỏa thuận năm học 2024-2025)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Thành tiền	Ghi chú
A	Các khoản thu quy định mức trần	2.106.308.000	
I	Tiền học phí	181.458.000	CV 1362/SGDĐT-KHTC ngày 30/08/2024 của Sở GD&ĐT tỉnh NB (NQ số 39/2021/NQ-HĐND Ngày 29/07/2021)
1	<i>Dự kiến thu:</i> - Nhà trẻ: 62 trẻ * 85.000 đồng/năm - Mẫu giáo: 204 trẻ * 73.000 đồng/năm	181.458.000	
2	<i>Nội dung chi: Trong đó</i>	181.458.000	
	-Chi 40% làm lương	72.583.200	
	-Chi 60% chuyên môn nghiệp vụ	108.874.800	
II	Tiền ăn bán trú	1.316.700.000	CV 1362/SGDĐT-KHTC ngày 30/08/2024 của Sở GD&ĐT tỉnh NB (NQ số 39/2021/NQ-HĐND Ngày 29/07/2021)
1	<i>Dự kiến thu (385 trẻ * 19.000 đồng/ trẻ/ ngày * 20 ngày * 9 tháng)</i>	1.316.700.000	
2	<i>Nội dung chi: Trong đó</i>	1.316.700.000	
	- Chi mua lương thực, thực phẩm, sữa bột, gia vị (18000 đồng/xuất * 385 xuất * 20 ngày/tháng * 9 tháng)	1.247.400.000	
	- Chi phí khác: Chát đốt (Ga ) + Nước rửa bát, nước lau sàn bếp và phụ phí khác để phục vụ nấu ăn: (1.000 đồng/xuất * 385 xuất * 20 ngày/tháng * 9 tháng)	69.300.000	
III	Tiền chăm sóc bán trú	329.175.000	CV 1362/SGDĐT-KHTC ngày 30/08/2024 của Sở GD&ĐT tỉnh NB (NQ số 39/2021/NQ-HĐND Ngày 29/07/2021)
1	<i>Dự kiến thu (385 trẻ * 95.000 đồng/ trẻ/ tháng * 9 tháng)</i>	329.175.000	

TT	Nội dung	Thành tiền	Ghi chú
2	<i>Nội dung chi: Trong đó</i>	<b>324.000.000</b>	
	- Chi trả tiền công cô nuôi dưỡng: 3 cô * 6.000.000 đồng/cô * 9 tháng	324.000.000	
	- Chi bồi dưỡng trực trưa cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên được phân công	5.175.000	
IV	<b>Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân</b>	<b>49.700.000</b>	CV 1362/SGDĐT-KHTC ngày 30/08/2024 của Sở GD&ĐT tỉnh NB (NQ số 39/2021/NQ-HĐND Ngày 29/07/2021)
	<i>Dự kiến thu:</i>		
1	- Trẻ đi mới: 56 trẻ * 300.000 đồng/năm - Trẻ cũ: 329 trẻ * 100.000 đồng/năm	<b>49.700.000</b>	
2	<i>Nội dung chi: Trong đó</i>	<b>49.700.000</b>	
	- Tiền mua sắm đồ dùng, dụng cụ nhà bếp phục vụ nấu ăn: xoong, nồi, bát, thìa, bát tô chia cơm canh, đĩa, dao, thớt, rổ, rá, giá để bát đĩa, cối xay thịt, cối xay cua, chảo, nồi gang to, nồi chia cơm canh thức ăn, găng tay, tập dề, Muôi, đũa, chày, dụng cụ chia đồ ăn, và các đồ dùng, dụng cụ khác liên quan đến phục vụ nấu ăn.	21.740.000	
	- Tiền mua sắm đồ dùng cá nhân: Khăn mặt, chăn, chiếu, gối, thảm ngủ .....và đồ dùng cá nhân khác	27.960.000	
V	<b>Tiền Chăm sóc nuôi dưỡng trẻ vào ngày thứ 7</b>	<b>108.000.000</b>	CV 1362/SGDĐT-KHTC ngày 30/08/2024 của Sở GD&ĐT tỉnh NB (NQ số 39/2021/NQ-HĐND Ngày 29/07/2021)
1	<i>Dự kiến thu (100 trẻ *30.000 đồng/ trẻ/ ngày * 4 ngày * 9 tháng)</i>	<b>108.000.000</b>	
2	<i>Nội dung chi: Trong đó</i>	<b>108.000.000</b>	
	- Bồi dưỡng giáo viên, nhân viên nấu ăn, nhân viên khác trông giữ trẻ ngày thứ 7 (108.000.000 x 82%)	88.560.000	
	- Chi bồi dưỡng quản lý + nhân viên kế toán (108.000.000 x 15%)	16.200.000	

TT	Nội dung	Thành tiền	Ghi chú
	- Chi phí khác có liên quan đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ: (Giấy VS, bột giặt, nước lau sàn...phục vụ HS học đi thứ 7) (108.000.000 x 3%)	3.240.000	
<b>VI</b>	<b>Tiền nước uống, nước sinh hoạt</b>	<b>34.650.000</b>	CV 1362/SGDĐT-KHTC ngày 30/08/2024 của Sở GD&ĐT tỉnh NB (NQ số 39/2021/NQ-HĐND Ngày 29/07/2021)
<i>1</i>	<i>Dự kiến thu (385 trẻ * 10.000 đồng/ trẻ/ tháng * 9 tháng)</i>	<i>34.650.000</i>	
<i>2</i>	<i>Nội dung chi: Trong đó</i>	<i>34.650.000</i>	
	- Thanh toán tiền nước sạch: 3.000.000đ/ tháng * 9T	27.000.000	
	- Chi sửa chữa, thay thế thiết bị đường nước	7.650.000	
<b>VII</b>	<b>Tiền vệ sinh trường, lớp</b>	<b>86.625.000</b>	CV 1362/SGDĐT-KHTC ngày 30/08/2024 của Sở GD&ĐT tỉnh NB (NQ số 39/2021/NQ-HĐND Ngày 29/07/2021)
<i>1</i>	<i>Dự kiến thu (385 trẻ * 25.000 đồng/ trẻ/ tháng * 9 tháng)</i>	<i>86.625.000</i>	
<i>2</i>	<i>Nội dung chi: Trong đó</i>	<i>86.625.000</i>	
	- Tiền thuê nhân viên quét dọn vệ sinh, thu gom rác thải khuôn viên trường học: Khu Yên Văn: 1 người * 1.000.000đ * 9 tháng + Khu Bắc Phú: 1 người * 1.000.000đ * 9 tháng+ Khu Nhị Yên: 1 người * 500.000đ * 9 tháng	22.500.000	
	- Chi mua sắm đồ dùng, dụng cụ vệ sinh (găng tay, chổi, xô, chậu, nước vệ sinh, giấy vệ sinh, xà phòng, nước tẩy vệ sinh, bột giặt, nước lau sàn, nước rửa tay dùng trong nhà vệ sinh, nước sát khuẩn, bột thông cống, bộ cây lau nhà) và các chi phí khác có liên quan	64.125.000	
<b>B</b>	<b>Các khoản thu không quy định mức trần</b>	<b>92.920.000</b>	
<b>I</b>	<b>Tiền mua đồ dùng, đồ chơi, học liệu</b>	<b>69.820.000</b>	CV 1362/SGDĐT-KHTC ngày 30/08/2024 của Sở GD&ĐT tỉnh NB (NQ số 39/2021/NQ-HĐND Ngày 29/07/2021)

TT	Nội dung	Thành tiền	Ghi chú
1	<i>Dự kiến thu:</i> - Nhà trẻ : 62 trẻ * 150.000 đồng/năm - Mẫu giáo 5 tuổi: 119 trẻ * 200.000 đồng/năm - Mẫu giáo 3-4 tuổi: 204 trẻ * 180.000 đồng/năm	69.820.000	
2	<i>Nội dung chi: Trong đó</i>	69.820.000	
	- Chi mua sắm đồ dùng, đồ chơi, học liệu và các chi phí khác có liên quan (theo danh mục quy định tại Thông tư 34/2014 của Bộ GDĐT sửa đổi Thông tư 02/2010)	69.820.000	
II	<b>Tiền tin nhắn SMART</b>	23.100.000	CV 1362/SGDĐT-KHTC ngày 30/08/2024 của Sở GD&ĐT tỉnh NB (NQ số 39/2021/NQ-HĐND Ngày 29/07/2021)
1	<i>Dự kiến thu (385 trẻ * 60.000 đồng/ trẻ/năm học)</i>	23.100.000	
2	<i>Nội dung chi: Trong đó</i>	23.100.000	
	- Chi thanh toán cho nhà cung cấp dịch vụ VNPT	23.100.000	
C	<b>Tiền thu hộ, chi hộ</b>	77.000.000	
I	<b>Tiền Bảo hiểm thân thể cho học sinh</b>	77.000.000	
1	<i>Dự kiến thu (385 trẻ * 200.000 đồng/ trẻ/năm học)</i>	77.000.000	
2	<i>Nội dung chi: Trong đó</i>	77.000.000	
	- Chi thanh toán cho Công ty Bảo hiểm Bảo Minh, Bưu điện, BSH	77.000.000	
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.276.228.000</b>	

Khánh An, ngày 15 tháng 9 năm 2024

NGƯỜI LẬP

Vũ Thị Chúc

HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Kim Dung